

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2024
V/v Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
- Ông Mai Phú

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ¼ ML, Phường N, ĐL, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ¼ ML, Phường N, Đà Lạt, Lâm Đồng;

Địa chỉ liên lạc: 05 K, Phường S, ĐL, Lâm Đồng.

(Bà A có mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị A** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Cuối năm 2000, đầu năm 2001 bà và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963, quê quán ở V, HP có quen biết nhau và sau đó phát sinh tình cảm và chung sống với nhau tại khu tập thể Vila Hùng Vương, Đà Lạt. Đến năm 2003, bà có con với ông H tên là Nguyễn Quốc B. Trong quá trình chung sống ông bà không đăng ký kết hôn. Đã nhiều lần bà yêu cầu ông H đi đăng ký kết hôn nhưng không làm được vì ông H đã có vợ ở quê tên là Bùi Thị T, bản thân bà nghe ông H trả lời như vậy. Nên bà không muốn liên quan gì đến ông H nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông giải quyết để làm giấy tờ hợp pháp nhưng ông H không hợp tác gây phiền hà cho bà. Đến năm 2009 bà về ở tại số ¼ ML, Phường N, Đà Lạt. Cuộc sống bà là công chức nên cần giấy tờ rõ ràng, bà yêu cầu ông H làm giấy tờ để hợp pháp vợ chồng nhưng ông cũng không làm được vì vậy bà quyết định gửi đơn đến Toà án yêu cầu công nhận bà và ông H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/02/2003. Hiện nay đang học tại Đại học G, Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu Nguyễn Quốc B đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thoả thuận giải quyết không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà A xác định ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001 ông quen biết và sinh sống với bà Nguyễn Thị A sinh năm 1980 như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2001 cho đến nay. Quá trình sống chung giữa ông và bà A có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 tại số 05 K, Phường S, Đà Lạt nơi ông và bà A đang ở. Nay bà A làm đơn yêu cầu Toà án xác nhận không đăng ký kết hôn không công nhận vợ chồng để bà A bổ sung hồ sơ đúng pháp luật ông không có ý kiến gì thêm.

Về phần con chung: Ông và bà A có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/02/2003, con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: để lại cho con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Do bận việc nên ông H có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc của Toà. Đề nghị Toà án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà A giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà A, không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Về con chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay giữa bà A và ông H có phát sinh mâu thuẫn và bà A có yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông H nên xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông H cư trú tại Phường N, Đà Lạt, Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo hồ sơ thể hiện, theo lời thừa nhận của bà A và ông H là ông bà có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 11/UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh xác định từ ngày 06/12/1980 đến ngày 04/5/1999 bà A chưa đăng ký kết hôn với ai; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 196/UBND-XNTTHN ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xác định từ ngày 05/5/1999 đến ngày 09/10/2009 bà A chưa đăng ký kết hôn với ai lần nào; Công văn số 380/UBND ngày 07/6/2024 của Ủy ban nhân dân Phường 9, Đà Lạt xác nhận từ ngày 25/10/2010 đến nay Ủy ban nhân dân Phường 9 không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa bà A và ông H. Xét thấy, bà A và ông H sinh sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà A với ông H.

[3.2] Về con chung: dựa trên lời thừa nhận của bà A và ông H, giấy khai sinh đăng ký ngày 24/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, Di Linh, Lâm Đồng, lời khai của bà A tại phiên toà hôm nay đủ cơ sở khẳng định giữa bà A và ông H có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 17/02/2003, hiện con đã trưởng thành, phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà A và ông H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà A và ông H xác nhận ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, Toà án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: bà A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000707 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi